



jìn rú rén yì
尽如人意

idiom · completely satisfactory

Example Sentences

jié guǒ bìng bù jìn rú rén yì
结果并不尽如人意。

The result was not entirely satisfactory.

suī rán jì huà hěn zhōu quán dàn zhí xíng qǐ lái wèi bì jìn rú rén yì
虽然计划很周全，但执行起来未必尽如人意。

Although the plan was thorough, its execution may not be completely satisfactory.

Trace each character, then write the word on your own.

尽	尽	尽	尽	尽	尽	尽	尽	尽		
如	如	如	如	如	如	如	如	如		
人	人	人	人	人						
意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意
意	意	意	意	意						